

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Ông Nguyễn Văn Tấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trang Thị X, sinh năm: 1985, có mặt;

Địa chỉ: Xóm 1, thôn HB, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm: 1978, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn HA, xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-5-2020, bản tự khai ngày 25-6-2020, nguyên đơn bà Trang Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phú H tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27 tháng 8 năm 2008. Quá trình chung sống, đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông H không lo làm ăn, không lo gia đình và vợ con, mặc dù hai bên gia đình đã can thiệp nhưng cũng không thể kìm chế bức xúc mỗi khi chung sống với nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Phú H.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Phú H có hai con chung là Nguyễn Trang S, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2009 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011, hiện nay hai con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu S và cháu N, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Phú H không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về quan hệ tranh chấp: Xác định đúng quan hệ tranh chấp theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng thẩm quyền quy định tại điểm a Điều 35 của BLTTDS.

- Về tổng đạt các văn bản tố tụng: Đúng theo quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của BLTTDS.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Vấn đề thu thập chứng cứ: Đúng quy định của BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ thời điểm thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn: Thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Phú H.

Về con chung: Bà Trang Thị X và ông Nguyễn Phú H có hai con chung là Nguyễn Trang S, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2009 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011, giao 02 cháu S và cháu N cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Phú H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Về phần án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phú H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị X và ông Nguyễn Phú H tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 27 tháng 8 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra, ông H bỏ vợ con về xã NH sinh sống với cha mẹ từ năm 2014 đến nay, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ đó bà X yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Phú H. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà X chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà X và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trang Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Phú H.

[3] Về con chung: Bà Trang Thị X và ông Nguyễn Phú H có hai con chung là Nguyễn Trang S, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2009 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011. Xét thấy hiện nay cháu S, cháu N đang ở với bà X sức khỏe vẫn tốt. Bà X có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu S, cháu N. Ngoài ra 02 cháu có nguyện vọng ở với bà X. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X, giao cháu S, cháu N cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà X trình bày không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà X phải chịu 300.000 đồng nhưng bà X đã tạm ứng nên khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị X.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trang Thị X ly hôn với ông Nguyễn Phú H.

2/ Về con chung: Bà Trang Thị X và ông Nguyễn Phú H có hai con chung là Nguyễn Trang S, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2009 và cháu Nguyễn An N, sinh ngày 04 tháng 7 năm 2011, giao 02 con Nguyễn Trang S và Nguyễn An N cho bà Trang Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Phú H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trang Thị X trình bày không có.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trang Thị X phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà X đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0004496 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Hà, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng